TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2023/DS-ST
Ngày: 15/09/2023
"*V/v tranh chấp quyền sử dụng đất*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN NHÂN HUYỆN H, TỈNH BẠC LIÊU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Tú Anh**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lại Thiện Phong**
2. Ông **Lê Văn Thuyền**
Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Nhã Trúc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông **Danh Đạt** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 09 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 89/2022/TLST-DS ngày 26 tháng 04 năm 2022 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2023/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 08 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1940

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H là chị Nguyễn Thúy N, sinh năm 1977 (Theo văn bản ủy quyền ngày 05/05/2022) *(Có mặt)*

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị H là: Ông *Huỳnh Phước H* – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bạc Liêu. *(Có mặt)*

Bị đơn: Ông **Nguyễn Việt Q**, sinh năm 1952 *(Có mặt)*

Địa chỉ: Ấp N, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Việt Q là: Bà *Huỳnh Nguyễn Hoài T* – Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bạc Liêu. *(Có mặt)*

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Lê Thị L**, sinh năm 1955. Địa chỉ: Ấp N, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu *(Vắng mặt – Có đơn xin vắng).*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị L là: Bà *Huỳnh Nguyễn Hoài T* – Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bạc Liêu. *(Có mặt)*

- Anh **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1450 *(Có mặt)*
- Chị **Nguyễn Thúy N**, sinh năm 1977 *(Có mặt)*
- Anh **Trần Văn N**, sinh năm 1972 *(Vắng mặt - Có đơn xin vắng)*

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- **Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu**.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T - Chủ tịch UBND huyện H. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn C - Phó chủ tịch UBND huyện H. *(Vắng mặt – Có đơn xin vắng)*

Địa chỉ: Ấp Nội Ô, thị trấn Ngan Dừa, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H là chị Nguyễn Thúy N trình bày: Tại đơn khởi kiện ngày 13/04/2022 bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Việt Q phải trả lại cho bà H phần đất trồng lúa – nuôi tôm có diện tích khoảng 1,5 công tầm cấy *(qua đo đạc thực tế có diện tích 1.956,0m^2 thuộc thửa đất số 436 tờ bản đồ số 9)* tọa lạc tại Ấp N, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Ngoài ra bà H không có yêu cầu gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Việt Q giao trả lại cho bà H phần đất trồng lúa – nuôi tôm có diện tích khoảng 1,5 công tầm cấy *(qua đo đạc thực tế có diện tích 1.956,0m^2 thuộc thửa đất số 436 tờ bản đồ số 9)* mà bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Việt Q và anh Nguyễn Văn M phải di dời các trụ đá mà phía ông Q, anh M đã cậm vào phần đất trồng lúa – nuôi tôm nêu trên của bà H ra khỏi phần đất này. Ngoài ra bà H không có yêu cầu gì khác.

Nguồn gốc phần đất trồng lúa – nuôi tôm phía bà H đang quản lý, sử dụng mà ông Q và anh M cậm trụ đá vào nêu trên là của bà Nguyễn Thị N *(bà N là mẹ của bà H và ông Q)* cho lại bà H vào khoản năm 1982. Phần đất trồng lúa bà N cho bà H vào năm 1982 có tổng diện tích khoảng 7,5 công tầm cấy. Sau khi được cho đất thì bà H trực tiếp quản lý, canh tác phần đất này đến khoảng năm 1993 – 1994 thì bà H được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu tại thửa 522, tờ bản đồ số 17, diện tích 10.000m^2. Đến năm 2015 thì bà H được UBND huyện H cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với phần đất trồng lúa này thành thửa 450, tờ bản đồ số 9, diện tích sau khi cấp đổi là 11.551,5m^2.

Vào ngày 19/02/2019, ông Nguyễn Việt Q có hành vi cậm hai trụ cây vào phần đất trồng lúa – nuôi tôm mà bà H được bà N cho lại nêu trên. Đến ngày 26/02/2021 ông Nguyễn Việt Q cùng với con trai ông Q là anh Nguyễn Văn M đã nhổ bỏ hai trụ cây và cùng nhau cậm 2 trụ đá thay cho hai trụ cây trước đó vào phần đất trồng lúa – nuôi tôm của bà N. Giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất đang có tranh chấp bà H không có thế chấp vay vốn tại tổ chức tín dụng nào.

Bà H không đồng ý đối với yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Việt Q về việc yêu cầu bà H giao trả phần đất trồng lúa - nuôi tôm qua đo đạc thực tế có diện tích là 1.956,0m^2 thuộc thửa đất số 450, tờ bản đồ số 9 do bà H đứng tên giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất. Ngoài ra bà H không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Nguyễn Việt Q trình bày: Ông Q không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu ông Q và anh Nguyễn Văn M phải di dời các trụ đá mà ông Q và anh M đã cậm vào phần đất trồng lúa – nuôi tôm thuộc thửa đất số 450, tờ bản đồ số 9 do bà H đứng tên giấy chứng nhận quyền quyền sử dụng đất.

Ông Q phản tố yêu cầu bà Nguyễn Thị H phải giao trả cho ông Q phần đất trồng lúa - nuôi tôm qua đo đạc thực tế có diện tích là 1.956,0m^2 thuộc thửa đất số 450, tờ bản đồ số 9 tọa lạc tại Ấp N, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu đồng thời yêu cầu Tòa án xem xét hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H đối với phần diện tích đất tranh chấp 1.956,0m^2 này. Ngoài ra ông Q không có yêu cầu gì khác.

Phần đất trồng lúa - nuôi tôm qua đo đạc thực tế có diện tích là 1.956,0m^2 nêu trên có nguồn gốc là của cha, mẹ ông Q và cũng là cha, mẹ của bà H là ông Nguyễn Nhựt T *(chết năm 1959)* và bà Nguyễn Thị N *(chết năm 2004)* khai phá, tạo lập được khi còn trẻ. Phần đất trồng lúa – nuôi tôm nêu trên bà Nguyễn Thị N cho bà H mượn sử dụng vào khoảng năm 1979. Ông Q là con trai út sống chung với cha, mẹ từ nhỏ và nuôi dưỡng bà N cho đến khi qua đời nên sau khi bà N chết thì ông Q có yêu cầu bà H giao trả lại cho ông Q phần đất trồng lúa – nuôi tôm mà bà N cho bà H mượn nêu trên *(ông Q đòi lại phần đất này từ bà H vào khoảng năm 2015)* nhưng bà H không đồng ý trả cho ông Q. Việc bà N cho bà H mượn phần đất trồng lúa – nuôi tôm nêu trên không có làm giấy tờ gì vì là mẹ con với nhau. Bà H đã quản lý, sử dụng phần đất nêu trên từ khoảng năm 1979 đến nay, hiện tại phần đất này vẫn đang do phía bà H quản lý, sử dụng, ông Q không có sử dụng phần đất này. Ông Q chỉ mới cậm trụ đá vào phần đất này khoảng 02 năm trở lại đây *(khoảng năm 2020)*, còn trước đó thì ông Q cậm trụ bằng cây. Ngoài ra ông Q không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thúy N, anh Trần Văn N thống nhất trình bày: Chị Ngân, anh Niên thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H. Hiện tại phần đất tranh chấp giữa bà H với ông Q đang do vợ chồng chị Ngân, anh Niên quản lý, sử dụng. Lý do là bởi bà H *(bà H là dì ruột của chị Ngân)* đã lớn tuổi nên bà H giao lại cho vợ chồng chị Ngân, anh Niên canh tác phần đất này để có tiền lo cho bà H. Ngoài ra chị Ngân, anh Niên không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị L, anh Nguyễn Văn M thống nhất trình bày: Bà Liễu là vợ của ông Nguyễn Việt Q. Anh M là con của ông Nguyễn Việt Q và bà Lê Thị L. Bà Liễu và anh M thống nhất với phần trình bày của ông Q trong quá trình giải quyết vụ án. Ngoài ra bà Liễu, anh M không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là UBND huyện H trình bày:

Tại công văn số 208/UBND ngày 14/02/2023, UBND huyện H xác định: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị H tại thửa đất số 522, tờ bản đồ số 17 *(theo hồ sơ địa chính xã V thành lập năm 1993)* là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị H tại thửa đất số 522 thì cơ quan chuyên môn không có đo đạc thực tế đối với thửa

đất này mà chỉ trích lục thửa đất trên bản đồ địa chính vì không có biến động về hình thể thửa đất.

Việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị H tại thửa đất số 450, tờ bản đồ số 9 *(theo hồ sơ địa chính xã V thành lập năm 2009)* là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Thời điểm cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị H tại thửa đất số 450 thì cơ quan chuyên môn không có đo đạc thực tế đối với thửa đất này mà chỉ trích lục thửa đất trên bản đồ địa chính vì không có biến động về hình thể thửa đất.

Tại bản cung cấp thông tin ngày 14/6/2023, người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện H cho biết UBND huyện H không có ý kiến về việc ông Nguyễn Việt Q yêu cầu Toà án huỷ một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị H tại thửa đất số 450 tờ bản đồ số 9 đối với phần diện tích đất tranh chấp.

Ý kiến phát biểu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H tại phiên tòa: Căn cứ lời trình bày của các bên đương sự có cơ sở xác định nguồn gốc phần đất đang tranh chấp là của cha, mẹ bà Nguyễn Thị H và cũng là cha, mẹ của ông Nguyễn Việt Q là ông Nguyễn Nhựt T *(chết năm 1959)* và bà Nguyễn Thị N *(chết năm 2004)* khai phá, tạo lập được khi còn trẻ. Phần đất đang có tranh chấp được phía bà H sử dụng liên tục, công khai từ khoảng năm 1982 đến nay và bà H đã được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng lần đầu đối với phần đất này vào năm 1994 sau đó được cấp đổi lại vào năm 2015. Việc bà H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1994 và được cấp đổi lại vào năm 2015 phía ông Nguyễn Việt Q vẫn biết nhưng không có ý kiến gì. Ông Q cho rằng phần đất đang có tranh chấp bà H được bà Nguyễn Thị N cho mượn sử dụng nhưng ông Q không có tài liệu gì để chứng minh cho lời trình bày của ông. Trong khi phần đất này đã được bà H sử dụng ổn định liên tục công khai trên 30 năm và UBND huyện H cũng xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H đối với phần đất tranh chấp là đúng quy định của pháp luật. Từ những nội dung trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Nguyễn Việt Q và không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Việt Q đối với bà Nguyễn Thị H.

Ý kiến phát biểu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Nguyễn Việt Q tại phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H thừa nhận nguồn gốc phần đất đang có tranh chấp là của cha, mẹ bà H và cũng là cha, mẹ của ông Q là ông Nguyễn Nhựt T *(chết năm 1959)* và bà Nguyễn Thị N *(chết năm 2004)* khai phá, tạo lập được khi còn trẻ. Bà Nguyễn Thị H xác định phần đất đang có tranh chấp bà H được bà Nguyễn Thị N tặng cho lại vào khoảng năm 1982 nhưng bà H không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của bà. Qua xem xét hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị H vào năm 1994 thì thấy rằng nguồn gốc phần đất đang tranh chấp bà H kê khai đăng ký là của ông, bà để lại chứ phải được cha, mẹ tặng cho lại như bà H trình bày. Do đó việc ông Q xác định phần đất đang có tranh chấp bà H được bà Nguyễn Thị N cho mượn sử dụng là có cơ sở. Ông Q sống chung với cha, mẹ từ nhỏ và trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc bà N đến khi bà N qua đời nên nay ông Q khởi kiện yêu cầu bà H giao trả lại phần đất mà bà N đã cho bà H mượn sử dụng vào khoảng năm 1979

là có căn cứ. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Việt Q đối với bà Nguyễn Thị H và không cấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H đối với ông Q.

Ý kiến phát biểu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Lê Thị L tại phiên tòa: Thống nhất với phần trình bày bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Nguyễn Việt Q.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử hôm nay Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Nguyễn Việt Q. Buộc ông Nguyễn Việt Q và anh Nguyễn Văn M phải cùng có trách nhiệm di dời các trụ đá mà ông Q và anh M đã cậm vào phần đất của bà Nguyễn Thị H qua xem xét thẩm định tại chổ cơ quan chuyên môn kết luận thuộc thửa số 450, tờ bản đồ số 9 do bà Nguyễn Thị H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Việt Q đối với bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị H giao trả cho ông Q phần đất có diện tích 1.956,0m^2 tọa lạc tại Ấp N, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Việt Q về việc yêu cầu Toà án huỷ một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị H tại thửa đất số 450, tờ bản đồ số 9 đối với phần diện tích đất tranh chấp là 1.956,0m^2.

Ngoài ra các đương sự còn phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Việt Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn M phải di dời các trụ đá mà ông Q, anh M đã cậm vào phần đất trồng lúa – nuôi tôm của bà H vì vậy Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về đất đai. Phần đất tranh chấp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tọa lạc tại Ấp N, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 203 Luật đất đai vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị L, anh Trần Văn N, người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện H, tỉnh Bạc Liêu có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với những người này căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự là phù hợp.

Về nội dung vụ án:

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H yêu cầu ông Nguyễn Việt Q và anh Nguyễn Văn M phải di dời các trụ đá mà ông Q và anh M đã cậm vào phần trồng lúa - nuôi tôm của bà Nguyễn Thị H đồng thời xét yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Việt Q yêu cầu bà Nguyễn Thị H giao trả cho ông Q phần đất trồng lúa - nuôi tôm qua đo đạc thực tế có diện tích 1.956,0m^2 tọa lạc tại Ấp N, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu*, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Qua xem xét thẩm định tại chỗ vào ngày 14/06/2022, phần đất trồng lúa - nuôi tôm phía bà H đang quản lý, sử dụng nhưng ông Q và anh M cùng nhau cậm trụ đá vào cũng chính là phần đất mà ông Nguyễn Việt Q yêu cầu phản tố phía bà Nguyễn Thị H phải giao trả cho ông Q.

Phần đất này có tứ cạnh như sau: Hướng Đông giáp phần đất không tranh chấp của bà Nguyễn Thị H, có cạnh dài 49,40m; Hướng Tây giáp phần đất không tranh chấp của ông Nguyễn Việt Q, có cạnh dài 49,40m; Hướng Nam giáp phần đất của ông Lê Trung Hoàng, có cạnh dài 39,40m; Hướng Bắc giáp phần đất của bà Nguyễn Thị Nở, có cạnh dài 39,40m. Tổng diện tích: 1.956,0m^2

Tại Mãnh trích đo địa chính số 39-2022 và phụ chú kèm theo mãnh trích đo, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H kết luận: Toàn bộ phần đất tranh chấp nằm trong thửa 450, tờ bản đồ số 9 do bà Nguyễn Thị H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hồ sơ địa chính xã V thành lập năm 2008. Tại Công văn số 72/CNCPĐKĐĐ ngày 26/7/2022 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H kết luận thửa đất số 450, tờ bản đồ số 9 trên hồ sơ địa chính xã V thành lập năm 1993 là thửa 522, tờ bản đồ số 17 do bà Nguyễn Thị H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3.2] Hiện trạng trên phần đất tranh chấp tại thời điểm khảo sát có 02 trụ đá. Theo sự xác định của chị Nguyễn Thúy N và anh Nguyễn Văn M thì có 01 trụ đá là do bên bà H cậm và 01 trụ đá là do ông Q, anh M cậm. Toàn bộ phần diện tích đất tranh chấp chị Nguyễn Thúy N đang thả tôm nuôi được khoảng 4,5 tháng tuổi dự kiến khoảng đầu tháng 8 năm 2022 sẽ thu hoạch. Ngoài ra không còn tài sản gì khác trên đất.

[3.3] Xét nguồn gốc phần đất tranh chấp: Quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Việt Q thống nhất xác định, phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của cha, mẹ ông Q, bà H là ông Nguyễn Nhựt T *(chết năm 1959)* và bà Nguyễn Thị N *(chết năm 2004)* khai phá, tạo lập được khi còn trẻ. Đây là các tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng Dân sự vì được các bên đương sự thừa nhận.

[3.4] Ông Q cho rằng, phần đất tranh chấp nêu trên bà Nguyễn Thị N cho bà H mượn sử dụng vào khoảng năm 1979. Ông Q là con trai út sống chung với mẹ cha, mẹ từ nhỏ và nuôi dưỡng bà N cho đến khi qua đời nên sau khi bà N mất thì ông Q yêu cầu bà H giao trả lại cho ông Q phần đất mà bà N cho mượn này. Về phía bà H thì xác định phần đất tranh chấp nêu trên bà H đã được bà N tặng cho lại vào khoảng năm 1982.

Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình giải quyết vụ án ông Q không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của ông phần đất tranh chấp bà N cho bà H mượn sử dụng vào năm 1979 và phía bà H cũng không có tài liệu gì để chứng minh

phần đất tranh chấp bà H được bà N tặng cho lại vào khoảng năm 1982, tuy nhiên phía ông Q thừa nhận phần đất đang có tranh chấp đã được bà H quản lý, sử dụng từ khoảng năm 1979 đến nay và ông Q cũng biết việc bà H được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với phần đất đang có tranh chấp lần đầu vào năm 1994 và được cấp đổi lại vào năm 2015 nhưng ông Q cũng không có kiến gì về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H đối với phần đất tranh chấp.

Xét thấy, phần đất mà ông Q khởi kiện yêu cầu bà H giao trả qua đo đạc thực tế có diện tích 1.956,0m^2 đã được phía bà H quản lý sử dụng liên tục, công khai trên 30 năm nay và bà H cũng đã được nhà nước công nhận quyền sử dụng đối với phần đất này từ năm 1994. Cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H là UBND huyện H cũng xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H đối với phần đất đang có tranh chấp là đúng quy định của pháp luật.

Từ những nội dung trên, Hội đồng xét xử thấy rằng việc ông Q và anh M cậm trụ đá vào phần đất của bà H nêu trên đã xâm phạm đến quyền sử dụng đất hợp pháp của bà H nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc phía ông Q và anh M phải di dời các trụ đá mà ông Q, anh M đã cậm vào phần đất này của bà H là có cơ sở chấp nhận. Đồng thời không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Việt Q yêu cầu bà Nguyễn Thị H giao trả cho ông Q phần đất tranh chấp nêu trên.

[4] *Xét yêu cầu của ông Nguyễn Việt Q yêu cầu Toà án huỷ một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị H tại thửa đất số 450 tờ bản đồ số 9 đối với phần diện tích đất tranh chấp là 1.956,0m^2*, Hội đồng xét xử thấy rằng: Do không có cơ sở chấp nhận yêu cầu phản tố đòi quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Việt Q đối với bà Nguyễn Thị H nên việc ông Q yêu cầu Tòa án hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị H tại thửa đất số 450 tờ bản đồ số 9 đối với phần diện tích đất tranh chấp 1.956,0m^2 là không có cở để chấp nhận.

[5] Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị H là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Việt Q và bà Lê Thị L, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Việt Q và bà Lê Thị L là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận.

[8] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản tranh chấp, chi phí photo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tổng số tiền là 2.961.000 đồng, ông Nguyễn Việt Q phải chịu toàn bộ.

[9] Về án phí:

Ông Nguyễn Việt Q không phải chịu án phí do ông Q thuộc diện người cao tuổi đồng thời ông Q có đơn xin miễn án phí.

Anh Nguyễn Văn M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch số tiền là 300.000 đồng.

Các đương sự khác không phải chịu án phí.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

- Căn cứ Điều 2; Điều 6; Điều 7, Điều 7a; Điều 9, Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Nguyễn Việt Q. Buộc ông Nguyễn Việt Q và anh Nguyễn Văn M phải cùng có trách nhiệm di dời các trụ đá mà ông Q và anh M đã cậm vào phần đất của bà Nguyễn Thị H qua xem xét thẩm định tại chổ cơ quan chuyên môn kết luận thuộc thửa số 450, tờ bản đồ số 9 do bà Nguyễn Thị H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Việt Q đối với bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị H giao trả cho ông Q phần đất có diện tích 1.956,0m^2 tọa lạc tại Ấp N, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Việt Q về việc yêu cầu Toà án huỷ một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị H tại thửa đất số 450, tờ bản đồ số 9 đối với phần diện tích đất tranh chấp là 1.956,0m^2.

4. Chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản tranh chấp, photo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tổng số tiền là 2.961.000 đồng, ông Nguyễn Việt Q phải chịu toàn bộ.

Bà Nguyễn Thị H đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng số tiền là 5.000.000 đồng theo phiếu thu số T063 ngày 03/06/2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu đã chi hết 2.361.000 đồng nên bà H được hoàn lại số tiền là 2.639.000 đồng tại Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Ông Nguyễn Việt Q đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng số tiền là 600.000 đồng theo phiếu thu số T0070 ngày 29/06/2023 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu đã chi hết 600.000 đồng nên không được hoàn lại.

Buộc ông Nguyễn Việt Q hoàn lại tiền chi phí tố tụng cho bà Nguyễn Thị H số tiền là 2.361.000 đồng.

5. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Văn M nộp án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch số tiền là 300.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày toà tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- CC.THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu Tòa.

Phan Tú Anh